TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2022/DS-ST
Ngày: 19/7/2022
V/v tranh chấp "Chia thừa kế theo pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO- TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vũ Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Châu Vũ Bình;

2/ Ông Nguyễn Hoa Kiều**.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trịnh Minh Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo,tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Phạm Minh Thanh* - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2020/TLST-DS ngày 21/10/2020 về việc tranh chấp "Chia thừa kế theo pháp luật" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2022/QĐXXST-DS ngày 04/7/2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:**

1. Chi Nguyễn Thị T, sinh năm 1950;

2. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1953;

3. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1963;

4. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: ấp K, xã K1, huyện K2, tỉnh Tiền Giang.

5. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1960;

6. Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: 466/1, Đ, phường 4, TP Đ1, tỉnh Tiền Giang.

Cùng ủy quyền cho anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P1, thị xã P2, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Chị Lê Thị C, sinh năm 1974(có mặt);

2. Chị Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1999(có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp K, xã K1, huyện K2, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1992 (xin vắng mặt);

2. Chị Ngyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1993(xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp K, xã K1, huyện K2, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2020, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Cha mẹ của các đồng nguyên đơn là bà Lê Thị A, sinh năm 1932(mất năm 2017) và ông Nguyễn Tấn A1 (mất năm 1971). Bà A và ông A1 có tất cả là 07 người con gồm:

1. Chi Nguyễn Thị T, sinh năm 1950;

2. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1953;

3. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1963;

4. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964.

5. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1960;

6. Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1971;

7. Anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1966.

Vào năm 2009, anh E mất không để lại di chúc, anh E có 03 người con và 01 người vợ, cụ thể:

1. Chị Lê Thị C, sinh năm 1974;

2. Chị Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1999;

3. Chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1992;

4. Chị Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1993.

Anh E có để lại một phần di sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 04, diện tích đất là 4.455m^2, đất tọa lạc tại ấp K, xã K1, huyện K2, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện K2 cấp cho anh Nguyễn Văn E vào ngày 22/8/2005.

Tuy nhiên sau đó, chị B tự ý đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 21928 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiên Giang, đất thuộc thửa mới là 135, tờ bản đồ số 30, diện tích là 4144,9m^2 cấp cho chị Nguyễn Thị Cẩm B vào ngày 17/10/2018.

Vào ngày 23/01/2021, Công ty TNHH đo đạc F, tiến hành đo đạc thực tế phần đất nói trên, thì có diện tích tổng cộng là 4.112,3m^2.

Nay phía các đồng nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án xác định phần diện tích đất là di sản của anh E để lại là 4.112,3m^2 để yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật, yêu cầu chia làm 04 phần, bà A một kỷ phần, số còn lại chia cho 03 người con của ông E do chị C và anh E không có đăng ký kết hôn nên không được chia. Cá đồng nguyên đơn yêu cầu được nhận kỷ phần của bà A và giao cho anh Nguyễn Văn N đại diện đứng tên chủ sở hữu.

Do đó, nay chị T, anh D, anh N, chị T1, chị M và chị U yêu cầu Tòa án giải quyết được chia di sản thừa kế của anh E cho bà A có diện tích là 822,5m^2, yêu cầu được nhận ngay khi án có hiệu lực pháp luật và giao cho anh N đại diện được đứng chủ quyền đất.

* Tại đơn bản tự khai, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị C và chị B đều thống nhất trình bày: Chị C là vợ của anh E nhưng không có đăng ký kết hôn và chị B là con của anh E và chị C. Thống nhất phần diện tích đất theo các nguyên đơn trình bày là di sản của anh E để lại.

Nay các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế phần di sản của anh E, cả 02 đều đồng ý chia nhưng phải chia làm 05 kỷ phần vì chị C là vợ của anh E.

Cả 02 đồng ý phân chia 01 kỷ phần cho các nguyên đơn và không yêu cầu phân chia kỷ phần của từng người được nhận thừa kế.

* Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Cẩm G và chị Nguyễn Thị Cẩm V: Thống nhất hoàn toàn lời trình bày của chị C và chị B, không có ý kiến gì khác bổ sung và xin vắng mặt.

* Tại phiên Toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự và xác định về việc chấp hành tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các

đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đồng nguyên đơn có đơn khởi kiện đối với chị C và chị B. Chị C và chị B có địa chỉ tại địa bàn huyện Chợ Gạo nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 203 Luật đất đai, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Các đồng nguyên đơn khởi kiện đối với chị C và chị B để yêu cầu chia thừa kế phần di sản của anh E chết để lại không di chúc nên căn cứ vào Điều 649 Bộ luật dân sự, thì đây quan tranh chấp "Chia thừa kế theo quy định pháp luật".

[3]. Về đương sự trong vụ án: Các đồng nguyên đơn có đơn khởi kiện đối với chị C và chị B nên căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự chị T, anh D, anh N, chị T1, chị M và chị U là nguyên đơn trong vụ án và chị C và chị B là bị đơn trong vụ án.

Trong vụ án, chị G và chị V là hàng thừa kế thứ nhất của anh E nên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh E không có vợ khác và con khác.

Ông A1, bà A không có hàng thừa kế khác.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận thấy không còn ai cần đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là đương sự của vụ án.

[4]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện phía nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 21928 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiên Giang, đất thuộc thửa số 135, tờ bản đồ số 30, diện tích thực đo là 4112,3m^2 cấp cho chị Nguyễn Thị Cẩm B vào ngày 17/10/2018 là di sản thừa kế của anh E để lại. Thống nhất hàng thừa kế của anh E gồm: Bà A, chị C, chị B, chị G, chị V, thống nhất 01 kỷ phần là 822,5m^2 và thống nhất chia cho bà A 01 kỷ phần.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc các đương sự thỏa thuận chia cho bà A 01 phần đất có diện tích là 822,5m^2 là phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Về hàng thừa kế của bà A gồm: Chị T, anh D, anh N, chị T1, chị M và chị U. Do bà A cha mẹ mất lâu, chồng mất năm 1971(theo giấy xác nhận hàng thừa kế ngày 10/10/2019 của Ủy ban nhân dân xả K1, huyện K2, tỉnh Tiền Giang) và ông A1 không có con khác và vợ khác.

Việc các hàng thừa kế còn lại của anh E không yêu cầu phân chia kỷ phần thừa kế nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Xét sự tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là phù hợp quy định pháp luật, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có cơ sở, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Đối với chị G và chị V có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị G và chị V.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà A được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 459, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1, 2 Điều 651 và Điều 660 Bộ Luật dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chi Nguyễn Thị T; anh Nguyễn Văn D; anh Nguyễn Văn N; chị Nguyễn Thị T1; chị Nguyễn Thị M và chị Nguyễn Thị U.

1.1. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là chia thừa kế theo pháp luật cho bà A phần diện tích đất là 822,5m^2 (có họa đồ kèm theo), theo giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 21928 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiên Giang, đất thuộc thửa số 135, tờ bản đồ số 30, nằm trong diện tích đo thực đo là 4112,3m^2 cấp cho chị Nguyễn Thị Cẩm B vào ngày 17/10/2018, cụ thể:

Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa 135;

Hướng Nam giáp thửa 151(Nguyễn Thị X);

Hướng Đông giáp đường công cộng;

Hướng Tây giáp thửa đất số 134(Bùi Văn Y).

1.2. Ghi nhận sự tự thỏa thuận, tự nguyện của phía Nguyễn Thị T; anh Nguyễn Văn D; anh Nguyễn Văn N; chị Nguyễn Thị T1; chị Nguyễn Thị M và chị Nguyễn Thị U anh N là người đại diện đứng tên, quản lý sử dụng phần diện tích đất của bà A được chia.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Bởi được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0004290 ngày 20/10/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo; anh Nguyễn Văn D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0004291 ngày 20/10/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo; anh Nguyễn Văn N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0004292 ngày 20/10/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo; chị Nguyễn Thị T1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0004293 ngày 20/10/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo; chị Nguyễn Thị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0004294 ngày 20/10/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo và chị Nguyễn Thị U được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0004290 ngày 20/10/2020 của chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Vũ Hoài Phương

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H.Chợ Gạo;
- Chi cục THADS H.Chợ Gạo;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu .